



EPA VIETNAM

Qualified Services
with Global Understanding
and Vision

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	8 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc (viết tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH B.O.T Thủy điện Bảo Lộc được thành lập năm 2002. Năm 2008, Công ty TNHH B.O.T Thủy điện Bảo Lộc chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 5800345732 lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2008, thay đổi bổ sung lần thứ tư ngày 27 tháng 04 năm 2015.

Vốn Điều lệ: 260.213.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi tỷ, hai trăm mười ba triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty: Số 263 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Nhà máy Thủy điện Bảo Lộc: xã Hòa Nam, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Phước	Chủ tịch
Ông Phan Văn Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2020)
Ông Nguyễn Văn Cường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2020)
Ông Nguyễn Lập	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2020)
Ông Lê Quang Trung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2020)
Ông Nguyễn Văn Thạc	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Xiêm	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Cường	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2020)
Ông Nguyễn Lập	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2020)
Ông Hồ Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, *Nguyễn Văn Cường*



Nguyễn Văn Cường

Tổng Giám đốc

Bào Lộc, ngày 26 tháng 7 năm 2020

Số: 625/2020/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘVề Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
của Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc được lập ngày 26 tháng 7 năm 2020, từ trang 04 đến trang 20, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Phan Thanh Nam****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2020

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		236.620.804.125	217.157.413.110
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9.641.144.699	8.543.266.844
1. Tiền	111		9.641.144.699	8.543.266.844
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.4	189.000.000.000	173.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		189.000.000.000	173.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.198.311.237	26.229.847.962
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	16.831.294.648	16.257.133.547
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	3.168.190.166	185.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	7.198.826.423	9.787.714.415
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	8.628.452.262	9.086.799.021
1. Hàng tồn kho	141		8.628.452.262	9.086.799.021
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.152.895.927	297.499.283
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	2.152.895.927	297.499.283
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		387.750.490.740	395.199.755.490
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		359.755.979.174	367.660.398.098
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	359.755.979.174	367.660.398.098
- Nguyên giá	222		600.042.026.576	600.042.026.576
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(240.286.047.402)	(232.381.628.478)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.4	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27.994.511.566	27.539.357.392
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	16.696.350.666	15.853.409.992
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		11.298.160.900	11.685.947.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		624.371.294.865	612.357.168.600

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
C NỢ PHẢI TRẢ	300		6.487.049.308	11.338.835.026
I. Nợ ngắn hạn	310		6.487.049.308	11.338.835.026
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	189.723.026	1.695.747.405
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	3.354.945.503	3.905.759.011
3. Phải trả người lao động	314		896.964.030	4.245.227.573
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	364.525.668	317.496.348
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	252.680.245	308.442.853
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.428.210.836	866.161.836
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		617.884.245.557	601.018.333.574
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	617.884.245.557	601.018.333.574
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		260.213.000.000	260.213.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		260.213.000.000	260.213.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		230.000.000	230.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.826.450.000	9.826.450.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		347.614.795.557	330.748.883.574
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		326.287.669.574	262.814.610.698
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.327.125.983	67.934.272.876
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		624.371.294.865	612.357.168.600
(440=300+400)				

Bảo Lộc, ngày 26 tháng 7 năm 2020

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thanh Thúy



Nguyễn Đức Anh



Nguyễn Văn Cường

 179
 TY
 H
 ĐÀI
 HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
			tháng kết thúc ngày 30/06/2020	tháng kết thúc ngày 30/06/2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	48.743.443.727	55.235.442.062
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		48.743.443.727	55.235.442.062
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	24.055.150.453	26.096.998.353
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		24.688.293.274	29.138.443.709
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	2.804.364.106	1.387.377.477
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.17	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.17	5.043.051.083	5.071.946.292
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		22.449.606.297	25.453.874.894
11. Thu nhập khác	31		-	223.783.423
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	223.783.423
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		22.449.606.297	25.677.658.317
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.18	1.122.480.314	1.283.882.915
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		21.327.125.983	24.393.775.402
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.19	819,60	937,45

Bảo Lộc, ngày 26 tháng 7 năm 2020

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc






Trần Thị Thanh Thúy

Nguyễn Đức Anh

Nguyễn Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*(theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
			tháng kết thúc ngày 30/06/2020	tháng kết thúc ngày 30/06/2019
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		53.043.626.999	59.190.086.382
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(14.194.939.579)	(17.361.784.284)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.652.277.227)	(15.116.588.756)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.600.000.000)	(1.241.759.796)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		80.916.000	207.390.716
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.547.848.060)	(11.755.173.088)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>12.129.478.133</i>	<i>13.922.171.174</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(894.980.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(75.000.000.000)	(42.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		59.000.000.000	29.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.968.399.722	2.483.265.147
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(11.031.600.278)</i>	<i>(11.411.714.853)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1.097.877.855	2.510.456.321
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.543.266.844	818.483.322
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	9.641.144.699	3.328.939.643

Người lập



Trần Thị Thanh Thúy

Phụ trách kế toán



Nguyễn Đức Anh

Bảo Lộc, ngày 26 tháng 7 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 a - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc (viết tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH B.O.T Thủy điện Bảo Lộc được thành lập ngày 10 tháng 02 năm 2002. Năm 2008, Công ty TNHH B.O.T Thủy điện Bảo Lộc chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 5800345732 lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2008, thay đổi bổ sung lần thứ tư ngày 27 tháng 04 năm 2015.

Vốn Điều lệ: 260.213.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi tỷ, hai trăm mười ba triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty: Số 263 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Nhà máy Thủy điện Bảo Lộc: xã Hòa Nam, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh thủy điện. Sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng. Chế tạo, lắp đặt cơ khí công trình, kết cấu thép xây dựng. Sửa chữa xe máy thi công. Đào tạo nhân công vận hành nhà máy điện.
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Chi tiết : xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Trong kỳ hoạt động, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Ngày 08 tháng 06 năm 2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản số 3768/UBCK-GSĐC về việc hủy đăng ký công ty đại chúng của Công ty Cổ phần VRG – Bảo Lộc. Theo đó, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo hủy đăng ký công ty đại chúng đối với Công ty kể từ ngày 15 tháng 05 năm 2020. Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện đặc biệt về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường hoặc các sự kiện lớn khác có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung và ghi sổ bằng máy vi tính.

M.S
H.P

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư khác: Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 -12 tháng, được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản tiền gửi có kỳ hạn: Việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị có thể thu hồi được của khoản đầu tư khi giá trị có thể thu hồi được thấp hơn giá trị thu hồi theo thỏa thuận trong hợp đồng tiền gửi tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản tổn thất sẽ ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp không xác định được một cách tin cậy, việc lập dự phòng sẽ không được ghi nhận, tuy nhiên Công ty sẽ thuyết minh bổ sung các thông tin cần thiết về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để dự trữ không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn: Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Đ. N.
CÔ
T
KIẾ
PA
37

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Giá vốn được ghi nhận toàn bộ theo thực tế mà Công ty phải bỏ ra để sản xuất được số lượng sản phẩm điện (Kw) để bán, không có chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyên tắc kế toán khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	6 tháng năm 2020
	(Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc và thiết bị	10 - 30
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Ngoài phương pháp khấu hao đường thẳng, Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm theo hướng dẫn trích khấu hao tại Công văn số 526/CT-KTrT ngày 10/03/2011 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng. Cụ thể:

- Tuabin và thiết bị phụ trợ;
- Máy phát điện, máy biến áp;
- Cầu trục nhà máy;
- Thiết bị cơ khí thủy công;
- Hệ thống thông tin liên lạc và phòng cháy chữa cháy nhà máy.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước trong kỳ là công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm.

Các chi phí sửa chữa, khắc phục sự cố phát sinh một lần quá lớn, Công ty thực hiện phân bổ phù hợp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả.
- Chi phí trích trước dịch vụ môi trường rừng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

197
TY
H
AN
NA
51

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu và giá vốn bán điện: Doanh thu được ghi nhận khi quyền sở hữu sản lượng điện được chuyển giao từ Bên bán sang Bên mua tại điểm giao nhận điện. Giá bán điện được áp dụng theo Biểu giá chi phí tránh được do Cục điều tiết điện lực công bố hàng năm hoặc theo sự điều chỉnh, quy định của Bộ Công thương Việt Nam tại từng thời điểm.

Giá vốn được ghi nhận toàn bộ theo chi phí thực tế mà Công ty bỏ ra để sản xuất được số lượng sản lượng điện (Kw) đã bán, không có chi phí sản xuất dở dang ở cuối kỳ.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp phát sinh từ năm 2014 đến năm 2022.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	704.512.739	1.423.659.287
Tiền gửi ngân hàng	8.936.631.960	7.119.607.557
Tổng	9.641.144.699	8.543.266.844

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>16.831.294.648</i>	<i>16.257.133.547</i>
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	16.831.294.648	16.257.133.547

5.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>3.168.190.166</i>	<i>185.000.000</i>
Công ty TNHH Thiết bị kỹ thuật Nam Việt	2.550.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Song Thành Công	-	140.000.000
Đối tượng khác	618.190.166	45.000.000

5.4 Đầu tư tài chính

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>189.000.000.000</i>	<i>189.000.000.000</i>	<i>173.000.000.000</i>	<i>173.000.000.000</i>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>189.000.000.000</i>	<i>189.000.000.000</i>	<i>173.000.000.000</i>	<i>173.000.000.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	189.000.000.000	189.000.000.000	173.000.000.000	173.000.000.000

Đơn vị tính: VND

5.5 Các khoản phải thu khác

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>	<i>7.198.826.423</i>	<i>-</i>	<i>9.787.714.415</i>	<i>-</i>
Tạm ứng	150.235.682	-	217.598.941	-
Ngân hàng BIDV Bảo Lộc	-	-	1.913.515.068	-
Ngân Hàng BIDV Đồng Nai	-	-	250.520.548	-
Phải thu tiền hỗ trợ sau đầu tư (i)	6.849.590.741	-	6.849.590.741	-
Phải thu khác	199.000.000	-	556.489.117	-

Đơn vị tính: VND

(i) Khoản hỗ trợ lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng phải cấp theo Hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư số 01/2010/HĐHTSĐT-NHPT ngày 30/08/2010

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Bảo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.487.486.762	-	8.933.003.521	-
Công cụ, dụng cụ	140.965.500	-	153.795.500	-
Tổng	8.628.452.262	-	9.086.799.021	-

5.7 Chi phí trả trước

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	2.152.895.927	297.499.283
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.152.895.927	297.499.283
Dài hạn	16.696.350.666	15.853.409.992
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, thay thế thiết bị	14.761.196.135	14.617.949.575
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	1.935.154.531	1.235.460.417
Tổng	18.849.246.593	16.150.909.275

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8 Tài sản cố định hữu hình**

Mẫu B 09a - DN

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	405.025.156.798	139.896.681.059	55.009.654.692	110.534.027	600.042.026.576
Số dư cuối kỳ	405.025.156.798	139.896.681.059	55.009.654.692	110.534.027	600.042.026.576
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	126.876.041.196	62.980.330.880	42.414.722.375	110.534.027	232.381.628.478
Khấu hao trong kỳ	6.341.062.326	1.102.637.795	460.718.803	-	7.904.418.924
Số dư cuối kỳ	133.217.103.522	64.082.968.675	42.875.441.178	110.534.027	240.286.047.402
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	278.149.115.602	76.916.350.179	12.594.932.317	-	367.660.398.098
Tại ngày cuối kỳ	271.808.053.276	75.813.712.384	12.134.213.514	-	359.755.979.174

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.9 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	189.723.026	189.723.026	1.695.747.405	1.695.747.405
Công ty truyền tải Điện 3	-	-	726.798.563	726.798.563
Công ty TNHH Vũ Văn Lợi Lâm Đồng	-	-	610.184.252	610.184.252
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng & Thương mại Thành Nhân	91.479.910	91.479.910	165.386.583	165.386.583
Đối tượng khác	98.243.116	98.243.116	193.378.007	193.378.007
Tổng	189.723.026	189.723.026	1.695.747.405	1.695.747.405

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2020	Từ ngày 01/01/2020 đến 30/06/2020		30/06/2020
		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	
Phải nộp	3.905.759.011	7.369.883.442	7.920.696.950	3.354.945.503
Thuế GTGT đầu ra	1.217.462.342	3.868.878.146	3.736.622.003	1.349.718.485
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.398.746.093	1.122.480.314	1.600.000.000	921.226.407
Thuế Thu nhập cá nhân	467.393.783	120.316.000	447.648.389	140.061.394
Thuế tài nguyên	822.156.793	2.258.208.982	2.136.426.558	943.939.217

5.11 Chi phí phải trả

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	364.525.668	317.496.348
Chi phí dịch vụ môi trường	364.525.668	317.496.348
Tổng	364.525.668	317.496.348

5.12 Phải trả khác

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	252.680.245	308.442.853
Kinh phí công đoàn	55.398.672	34.359.280
Các khoản phải trả, phải nộp khác	197.281.573	274.083.573
Tổng	252.680.245	308.442.853

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC
 Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

13 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận	
	của chủ sở hữu	sau thuế chưa phân phối			phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2019	260.213.000.000	230.000.000	-	9.826.450.000	267.399.610.698	537.669.060.698
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	67.934.272.876	67.934.272.876
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(4.585.000.000)	(4.585.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	260.213.000.000	230.000.000	-	9.826.450.000	330.748.883.574	601.018.333.574
Tại ngày 01/01/2020	260.213.000.000	230.000.000	-	9.826.450.000	330.748.883.574	601.018.333.574
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	21.327.125.983	21.327.125.983
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(4.461.214.000)	(4.461.214.000)
Tại ngày 30/06/2020	260.213.000.000	230.000.000	-	9.826.450.000	347.614.795.557	617.884.245.557

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	184.826.100.000	184.826.100.000
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	25.765.220.000	25.765.220.000
Tổng Công ty Xây dựng Thủy Lợi 4 - CTCP	22.981.560.000	22.981.560.000
Cổ đông khác	26.640.120.000	26.640.120.000
Tổng	260.213.000.000	260.213.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	260.213.000.000	260.213.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	260.213.000.000	260.213.000.000
Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.021.300	26.021.300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.021.300	26.021.300
Cổ phiếu phổ thông	26.021.300	26.021.300
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.021.300	26.021.300
Cổ phiếu phổ thông	26.021.300	26.021.300
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành(VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.826.450.000	9.826.450.000

5.14 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
	VND	VND
Doanh thu bán điện và cung cấp dịch vụ	48.743.443.727	55.235.442.062
Tổng	48.743.443.727	55.235.442.062

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.15 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
	VND	VND
Giá vốn bán điện và cung cấp dịch vụ	24.055.150.453	26.096.998.353
Tổng	24.055.150.453	26.096.998.353

5.16 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.804.364.106	1.387.377.477
Tổng	2.804.364.106	1.387.377.477

5.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
	VND	VND
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>5.043.051.083</i>	<i>5.071.946.292</i>
Chi phí nhân viên quản lý	3.102.930.641	3.086.273.650
Chi phí vật liệu quản lý	255.644.341	253.287.580
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	4.700.909
Chi phí khấu hao tài sản cố định	377.572.140	322.914.198
Thuế, phí và lệ phí	66.512.052	126.050.885
Chi phí dịch vụ mua ngoài	527.089.078	403.935.778
Chi phí khác bằng tiền	713.302.831	874.783.292
Tổng	5.043.051.083	5.071.946.292

5.18 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	1.122.480.314	1.283.882.915
Tổng	1.122.480.314	1.283.882.915

5.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.327.125.983	24.393.775.402
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	21.327.125.983	24.393.775.402
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	26.021.300	26.021.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	819,60	937,45

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.20 Công cụ tài chính

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 128 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp: Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định tại Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 do Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán công cụ tài chính chưa được ban hành

5.21 Báo cáo bộ phận

Công ty có duy nhất một hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy điện trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận thấy không cần thiết phải trình bày báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn các điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý được quy định tại Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
	VND	VND
Lương, thù lao và thu nhập khác	693.540.000	811.900.000
Tổng	693.540.000	811.900.000

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Networks.

Người lập

Trần Thị Thanh Thúy

Phụ trách kế toán

Nguyễn Đức Anh

Bảo Lộc, ngày 26 tháng 7 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Cường